

Bản án số: **83/2021/HS-ST**

Ngày: 24-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cái Thị Duyên và ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST ngày 13 tháng 12 năm 2021, đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: C); sinh ngày 13/12/1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ 6, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 và con bà Dương Thị L, sinh năm 1972; vợ con: Chưa có; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư; tiền án: Không, tiền sự: Không; Về nhân thân: Năm 2017, đã bị Ủy ban nhân dân phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Có hành động đe dọa người đang thi hành công vụ”, theo Quyết định số: 22/QĐ-XPVPHC ngày 08/5/2017; Vào năm 2019 đã bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế kết án 01 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, theo bản án số 72/2017/HS-ST ngày 29/12/2017, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/7/2018;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Trần Văn M, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn LXT, xã PL, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn LXT, xã PL, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị H là: Anh Trần Văn L, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn LXT, xã PL, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Anh Văn Viết T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 06, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn TV, xã PM, thành phố

H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Chị Phan Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 90/4 đường PCT, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Ông Lê Quang M, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 10, phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 14/3/2021, bị cáo Nguyễn Văn T không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, điều khiển xe mô tô BKS: 75H2-9833 có dung tích xi lanh là 97cm³, chở theo sau là anh Văn Viết T lưu thông trên đường Tỉnh lộ 3, theo hướng Phú Vang - Quốc lộ 1A với tốc độ khoảng 30 km/giờ đến 40 km/giờ. Khi đến gần Km 1+⁷⁷⁰, Tỉnh lộ 3 (vị trí xảy ra tai nạn), thuộc phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đoạn đường này thẳng, phẳng, được làm bằng bê tông rộng 3 mét 50 và không có vạch kẻ đường phân chia chiều đường riêng biệt. Lúc này, bị cáo T phát hiện phía trước cùng chiều cách khoảng 5 mét có một người phụ nữ đang điều khiển xe mô tô (không rõ tên tuổi, biển số xe), đi gần sát bên phải đường; Thấy vậy, bị cáo T điều khiển xe mô tô vượt lên phía bên trái xe của người phụ nữ này và chiếm một phần đường bên trái khoảng 10 cm -15 cm (phần đường của xe ngược chiều), cùng lúc này có anh Trần Văn M đang điều khiển xe mô tô BKS: 75K1-7052 đi theo hướng ngược lại, vị trí xe mô tô của anh M một lúc này đang ở trên phần đường trái chiều Quốc lộ 1A-Phú Vang và gần sát giữa đường. Do khoảng cách quá gần, bị cáo T không xử lý kịp nên để phần bên trái xe của bị cáo T va chạm vào xe mô tô của anh M đang điều khiển, làm cả hai xe và người ngã xuống đường, gây ra tai nạn.

Hậu quả: Anh Trần Văn M bị thương nặng, anh Văn Viết T và bị cáo T bị thương nhẹ, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Kết quả cơ bản khám nghiệm hiện trường, phương tiện, tổn thương cơ thể được xác định như sau:

- Khám nghiệm hiện trường: Hướng khám nghiệm Quốc lộ 1A - Phú Vang. Mốc khám nghiệm là cột mốc Km 1+⁷⁷⁰. Phải, trái tính theo hướng khám nghiệm.

Cách mốc khám nghiệm 66 mét 20 về hướng Phú Vang trên mặt đường là vị trí đám chất màu nâu đỏ nghi máu và mảnh nhựa màu xanh (1), kích thước 5 cm x 2 cm, tâm (1) cách mép lề đường phải 1 mét 60.

Từ vị trí tâm (1) hướng Phú Vang 1 mét 65 trên mặt đường là vị trí điểm đầu vết cày đường (2) dài 7 mét 80, có điểm đầu và điểm cuối lần lượt cách mép lề đường phải 1 mét 35 và 0 mét 40.

Cách vị trí điểm đầu vết cày (2) hướng Phú Vang 7 mét 30 chệch về lề phải trên lề đất bên phải đường là vị trí trục bánh sau xe mô tô BKS: 75K1-7052 (3) nằm ngã nghiêng bên phải, đầu xe hướng Quốc lộ 1A, đuôi xe hướng Phú Vang, trục bánh trước và trục bánh sau lần lượt cách mép lề đường phải là 1 mét và 0 mét 25.

Cách vị trí trục bánh sau xe mô tô (3) hướng Phú Vang 0 mét 60 chệch ra hướng lề trái đường là vị trí tâm đám máu (4), kích thước 0 mét 35 x 0 mét 45, tâm (4) cách mép lề đường phải 0 mét 20.

Cách vị trí trục bánh sau xe mô tô (3) hướng Phú Vang 0 mét 80 chệch ra hướng lề trái đường là vị trí cuối của vết cày đường (2).

Cách vị trí điểm cuối vết cày đường (2) hướng Phú Vang 1 mét 10 trên mặt đường là vị trí tâm đám máu (5), kích thước 0 mét 20 x 0 mét 35, tâm (5) cách mép lề đường phải 0 mét 20.

Từ vị trí tâm (1) ngược hướng khám nghiệm ra Quốc lộ 1A, 1 mét 10 là vị trí điểm đầu vết cày đường (6) dài 9 mét 30, điểm đầu và điểm cuối (6) cách mép lề đường phải là 1 mét 80 và 3 mét 50.

Cách vị trí điểm đầu vết cày đường (6) hướng Quốc lộ 1A, 3 mét 40 là vị trí trục bánh sau xe mô tô BKS: 75H2-9833 (7) nằm ngã nghiêng bên trái, đầu xe hướng Quốc lộ 1A, đuôi xe hướng Phú Vang, trục bánh trước và trục bánh sau xe (7) lần lượt cách mép lề đường phải là 2 mét 70 và 2 mét 80.

Cách vị trí trục bánh trước xe mô tô (7) hướng ra Quốc lộ 1A, 1 mét 20 trên mặt đường là vị trí tâm đám máu (8), kích thước 0 mét 80 x 1 mét 10, cách mép lề đường phải 2 mét 95.

Từ vị trí tâm đám máu (8) hướng ra Quốc lộ 1A, 4 mét 10 là vị trí mảnh nhựa (9), màu đen, kích thước 15 cen ti mét x 3 cen ti mét nằm trên lề đất lề đường trái, tâm (8) cách lề đường phải 4 mét 10.

- Khám nghiệm phương tiện:

Xe mô tô BKS: 75H2-9833: Hệ thống đèn tín hiệu phía trước bên trái bị gãy vỡ bung rời khỏi xe. Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước bị gãy nhựa bung hờ ra khỏi vị trí ban đầu. Mặt ngoài mang xe bên trái tại vị trí cách mặt đất 34 cm có vết trầy xước nhựa, kích thước 1cm x 0,5 cm, Gác chân trước bên trái bị cong vênh, biến dạng theo hướng từ trước ra sau, từ dưới lên trên. Ốp nhựa bảo vệ bình điện bên trái bị gãy vỡ bung rời khỏi xe.

Xe mô tô BKS: 75K1-7052: Mang xe bên trái tại vị trí cách mặt đất 32 cm có vết trầy xước gãy nhựa, kích thước 7 cm x 11 cm. Bàn đạp số và gác chân trước bên trái bị cong vênh, biến dạng theo hướng trước ra sau, ốp cao su của gác chân trước bị bung rời khỏi xe. Mặt ngoài thanh kim loại cố định các chân sau bên trái tại vị trí cách mặt đất 30 cm có vết trầy xước kim loại, kích thước 3 cm x 4 cm.

Theo Kết luận giám định số 253-21/TCT, 254-21/TgT và 255-21/TgT ngày 05/7/2021 của T tâm Giám định pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế, đã có kết luận kết luận về thương tích của bị cáo Nguyễn Văn T, các anh Văn Viết T và Trần Văn M như sau:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết sẹo phần mềm vùng mu bàn ngón IV chân trái không ảnh hưởng chức năng. 1%.

Chấn thương gãy xương đốt gần ngón IV chân trái đã điều trị ổn định không ảnh hưởng chức năng. 1%.

Gãy cùng trước bên phải hai xương sườn 6 và 7 đã điều trị ổn định, không để lại di chứng chức năng. 4%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 6% (sáu phần trăm).

Chấn thương gãy hai cùng trước hai xương sườn 6,7 bên phải do vật tày tác động theo hướng trước sau.

Chấn thương gãy xương bàn ngón IV chân trái để lại sẹo vùng mu bàn chân do vật tày bề mặt xô xam tác động theo hướng trước sau.

- Đối với anh Văn Viết T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết thương phần mềm vùng đỉnh thái dương phải để lại sẹo, không ảnh hưởng chức năng.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 1% (một phần trăm).

3. Vật gây và cơ chế tác động: Vết thương vùng đầu do ma sát với diện tày nhám phù hợp với hiện trường tai nạn giao thông nạn nhân ngã đập đầu xuống mặt nền.

- Đối với anh Trần Văn M:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Tổn thương não gây di chứng sống kiểu thực vật.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 99% (chín mươi chín phần trăm).

3. Vật gây và cơ chế tác động: Thương tích do va chạm với diện tày rộng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe mô tô BKS: 75K1-7052 và 01 xe mô tô BKS: 75H2-9833. Hiện Cơ quan Điều tra đã trả lại xe mô tô BKS: 75K1-7052 cho anh Trần Văn L là đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại. Riêng xe mô tô BKS: 75H2-9833 của bị cáo Nguyễn Văn T thì Cơ quan Điều tra đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về chi phí viện phí, tiền thuốc, khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần và chi phí phục hồi sức khỏe với số tiền tổng cộng là 52.000.000 đồng, bị cáo thỏa thuận bồi thường toàn bộ số tiền nói trên nhưng hiện tại mới bồi thường được 11 triệu đồng, số tiền còn lại là 41.000.000 đồng bị cáo thỏa thuận bồi thường mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền này.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 83/CT- VKS-HTh ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, về tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo thỏa thuận bồi thường thiệt hại về chi phí viện phí, tiền thuốc, khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần và chi phí phục hồi sức khỏe với số tiền tổng cộng là 52.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 11.000.000 đồng, số tiền còn lại là 41.000.000 đồng, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại thỏa thuận mỗi tháng bị cáo tiếp tục bồi thường 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nói trên, đây là sự tự nguyện của các bên nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại xe mô tô BKS: 75H2-9833 của bị cáo Nguyễn Văn T cho bị cáo T nhưng trước mắt cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại về chi phí viện phí, tiền thuốc, khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần và chi phí phục hồi sức khỏe với số tiền tổng cộng là 52.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại. Hiện nay bị cáo đã bồi thường được 11.000.000 đồng, số tiền còn lại là 41.000.000 đồng bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nói trên.

Ý kiến của đại diện hợp pháp bị hại (ông Trần Văn M) là bà Hồ Thị H và anh Trần Văn L trình bày: Về hành vi phạm tội của bị cáo thì bị cáo đã thành khẩn khai báo tại phiên tòa, việc gây ra tai nạn giao thông là do rủi ro và ngoài ý muốn của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Còn về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về chi phí viện phí, tiền thuốc, khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần và chi phí phục hồi sức khỏe với số tiền tổng cộng là 52.000.000 đồng. Hiện nay bị cáo T đã bồi thường được 11.000.000 đồng, số tiền còn lại là 41.000.000 đồng bị cáo T đã thỏa thuận tiếp tục bồi thường mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nói trên nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

- *Ý kiến của bị hại là anh Văn Viết T trình bày:* Tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra anh T trình bày về hành vi phạm tội của bị cáo là do rủi ro và ngoài ý muốn của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Còn về trách nhiệm dân sự, anh Văn Viết T không yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại gì về sức khỏe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2]. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3]. Qua trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4]. Căn cứ kết tội đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 14/3/2021, bị cáo Nguyễn Văn T không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, điều khiển xe mô tô BKS: 75H2-9833, có dung tích xi lanh là 97cm³ chở theo sau là anh Văn Viết T lưu thông trên đường Tỉnh lộ 3 theo hướng Phú Vang - Quốc lộ 1A với tốc độ khoảng 30 km/giờ đến 40 km/giờ. Khi đến gần Km 1+⁷⁷⁰, Tỉnh lộ 3 (vị trí xảy ra tai nạn), thuộc phường TC, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo T phát hiện phía trước cùng chiều, cách khoảng 5 mét có một người phụ nữ đang điều khiển xe mô tô đi gần sát bên phải đường; Thấy vậy, bị cáo T điều khiển xe mô tô vượt lên phía bên trái xe của người phụ nữ này và chiếm một phần đường bên trái khoảng 10cm -15cm, phần đường của xe ngược chiều, lúc này có anh Trần Văn M đang điều khiển xe mô tô BKS: 75K1-7052 đi theo hướng ngược lại. Do khoảng cách quá gần, bị cáo T không kịp xử lý nên đã để phần bên trái xe của bị cáo T va chạm vào xe mô tô của anh M đang điều khiển, làm cả hai xe và người ngã xuống đường, gây ra tai nạn. Hậu quả: Ông Trần Văn M bị thương

tích nặng, tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 99%, anh Văn Viết T bị thương tích nhẹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 01% và bị cáo T bị thương tích nhẹ.

Lỗi trong vụ án này là lỗi hỗn hợp của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại ông Trần Văn M, trong đó lỗi chủ yếu thuộc về bị cáo T, là khi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh là 97cm³ nhưng bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi tránh xe chạy ngược chiều, không tránh về bên phải theo chiều xe của mình, đi không đúng phần đường. Hành vi này đã vi phạm khoản 8, Điều 5 Thông tư số: 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông Vận tải; Khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ, gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả nghiêm trọng, làm cho ông Trần Văn M bị thương tích nặng với tỷ lệ tổn thương cơ thể 99%, anh Văn Viết T bị thương tích nhẹ với tỷ lệ tổn thương cơ thể 01% và gây thiệt hại về tài sản. Về phía bị hại là ông Trần Văn M cũng có lỗi một phần, là khi điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô mà trong máu có nồng độ cồn vượt mức quy định (250,6752 mg/100 ml máu), tránh xe ngược chiều nhưng không giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình, đã vi phạm khoản 8, khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ. Xét thấy, hành vi vi phạm các quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng làm 02 người bị thương tích mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của 02 người này là 100% và thiệt hại về tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Tội này được quy định tại Điều 260 Bộ luật hình sự. Do bị cáo khi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh là 97cm³, không có giấy phép lái xe theo quy định nên đã phạm vào trường hợp tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn T là một người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được hành vi điều khiển xe mô tô nhưng không có giấy phép lái xe theo quy định; thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi tránh xe chạy ngược chiều, không tránh về bên phải theo chiều xe của mình, đi không đúng phần đường sẽ có thể gây ra tai nạn giao thông, bị cáo biết nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về sức khỏe, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và an toàn giao thông trên địa bàn. Vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn T không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả một phần; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại cũng có lỗi một phần nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên là đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[8] Căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T khi thực hiện hành vi phạm tội tuy về nhân thân chưa được tốt nhưng không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là cũng đủ tác dụng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại về chi phí viện phí, tiền thuốc, khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần, chi phí phục hồi sức khỏe với số tiền tổng cộng là 52.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 11.000.000 đồng, số tiền còn lại là 41.000.000 đồng, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại thỏa thuận mỗi tháng bị cáo tiếp tục bồi thường 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nói trên. Xét thấy đây là sự tự nguyện, thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

Còn đối với bị hại là anh Văn Viết T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về sức khỏe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy đã thu giữ 01 xe mô tô BKS: 75H2-9833 của bị cáo Nguyễn Văn T và đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 12 năm 2021. Xét thấy xe mô tô BKS: 75H2-9833 là thuộc sở hữu về mặt thực tế của bị cáo Nguyễn Văn T, không liên quan đến việc phạm tội nên cần được trả lại cho bị cáo nhưng trước mắt cần phải tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Văn T và đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn M là bà Hồ Thị H về việc bồi thường thiệt hại về sức khỏe với số tiền 52.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường được 11.000.000 đồng, số tiền còn lại là 41.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T phải tiếp tục bồi thường mỗi tháng 2.000.000 đồng; Thời hạn bồi thường kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết số tiền nói trên.

Kể từ ngày bà Hồ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

Trả lại 01 xe mô tô BKS: 75H2-9833 cho bị cáo Nguyễn Văn T, nhưng trước mắt cần phải tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự. Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hình sự sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cái Thị Duyên

Trần Văn Cường

Mai Văn Phú

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- Công an thị xã Hương Thủy;
- Công an tỉnh – PC06;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú

